

ĐÁP ÁN TIẾNG VIỆT

TỪ CHỈ SỰ VẬT. CÂU KIỂU AI LÀ GÌ?

Câu 3: Từ ngữ chỉ sự vật (người, đồ vật, con vật, cây cối,...) phù hợp với từng tranh.



Các em không cần vẽ hình, chỉ cần thực hiện theo mẫu:

- | | |
|------------------------------|---------|
| 1. cô giáo | 5. mèo |
| 2. đôi bạn (bạn nam, bạn nữ) | 6. trâu |
| 3. sách | 7. dừa |
| 4. bút (viết) | 8. cam |

Từ chỉ sự vật gồm:

Từ chỉ người: **cô giáo , đôi bạn**

Từ chỉ đồ vật: **sách, bút**

Từ chỉ con vật: **mèo, trâu**

Từ chỉ cây cối: **dừa, cam**

Câu 4: Thực hiện các yêu cầu dưới đây:

a. Câu nào dưới đây là câu giới thiệu (*Đánh dấu x vào đáp án em chọn*)

☒ Em là học sinh lớp Hai.

☐ Em rất thích học bơi.

☐ Em đang tập thể dục.

b. Đặt câu:

Ví dụ:

- Bạn Phát là học sinh giỏi trong lớp.

- Bạn Ngọc là lớp phó của em

(Câu nhiều đáp án, HS chỉ cần đặt theo mẫu)

VẬN DỤNG:

Chia sẻ những việc em cần làm để không lãng phí thời gian cuối tuần.

Gợi ý các câu hỏi các em có thể chia sẻ với bạn hoặc người thân:

(HS nói miệng chia sẻ cùng người thân, bạn bè):

- Những việc em thường làm cuối tuần:

+ Vào ngày cuối tuần, em thường đi đá bóng cùng các bạn.

+ Em thường đi học bơi vào cuối tuần.

- Những việc em nên làm vào khoảng thời gian trống.

+ Thời gian rảnh, em thường xem ti vi cùng ba mẹ.

+ Những lúc rảnh, em thường đọc truyện.